

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN CẨM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49 /QĐ-UBND

Sơn Cẩm, ngày 27 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện chương trình
Dân số - Kế hoạch hóa gia đình năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN CẨM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015;

Căn cứ Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc thực hiện kế hoạch truyền thông Dân số đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 07/02/2025 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc giao chỉ tiêu công tác Dân số-KHHGD năm 2025.

Xét đề nghị của Trạm Y tế xã Sơn Cẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu công tác Dân số - KHHGD năm 2025 cho các xóm (Có phục lục kèm theo).

Điều 2. Trạm Y tế phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các Ông (bà) Trưởng xóm tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các Cộng tác viên dân số thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch chương trình Dân số - KHHGD năm 2025.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Trạm Y tế xã, các ban, ngành, đoàn thể có liên quan, các Ông (bà) Trưởng xóm, CTV dân số thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TTYT TP Thái Nguyên;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, YT./.



CHỦ TỊCH
Nguyễn Sỹ Bình

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ - KHHGD NĂM 2025
 (Kèm theo QĐ số: ngày tháng năm 2025 của UBND Xã Sơn Cẩm)



Xóm	PN 15-49 có chồng	Cặp vợ chồng chưa sử dụng BPTT HĐ	Tỷ lệ PN mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại BTB S phổ biến nhất (%)	Tỷ lệ PN mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại BTBS phổ biến nhất/Số PN mang thai đến khám định kỳ tại BV)	Tỷ lệ trẻ em sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất (%)	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ (%)	Tỷ lệ cặp nam nữ TN được tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn (%)	Các biện pháp kế hoạch hoá gia đình					
								Triệt sản mới	DC TC mới	Thuốc cấy mới	Thuốc tiêm mới	Thuốc uống	Bao cao su
Cao Sơn 1	123	28	40	40	60	65	25	0	6	0	1	12	20
Cao Sơn 2	122	35	40	40	60	65	25	1	7	0	1	15	26
Cao Sơn 3	76	20	40	40	60	65	25	0	5	0	1	12	17
Cao Sơn 5	105	19	40	40	60	65	25	0	5	0	1	20	13
Số 6	243	95	40	40	60	65	25	0	12	0	3	25	41
Số 7	231	86	40	40	60	65	25	0	11	0	3	25	42
Số 8	267	68	40	40	60	65	25	0	10	0	3	23	41
Bến Giềng	123	56	40	40	60	65	25	0	8	0	1	13	38
Sơn Cẩm	256	49	40	40	60	65	25	0	8	0	2	15	24
Đồng Danh	128	48	40	40	60	65	25	0	7	0	1	13	21
Đồng Xe	209	46	40	40	60	65	25	0	6	0	2	18	55
Xóm	PN 15-49 có chồng	Cặp vợ chồng	Tỷ lệ PN mang	Tỷ lệ PN mang thai	Tỷ lệ trẻ em	Tỷ lệ người cao	Tỷ lệ cặp nam	Các biện pháp kế hoạch hoá gia đình					

		chưa sử dụng BPTT HĐ	thai được tầm soát ít nhất 4 loại BTB S phổ biến nhất (%)	được tầm soát (%) (Số PN mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại BTBS phổ biến nhất/Số PN mang thai đến khám định kỳ tại BV)	sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất (%)	tuổi được khám sức khỏe định kỳ (%)	nữ TN được tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn (%)	Triệt sản mới	DC TC mới	Thuốc cấy mới	Thuốc tiêm mới	Thuốc uống	Bác cao su
Quang Trung	150	17	40	40	60	65	25	0	4	0	1	12	32
Thanh Trà 1	154	45	40	40	60	65	25	0	8	0	1	17	21
Thanh Trà 2	122	29	40	40	60	65	25	0	6	0	2	15	19
Hiệp Lực	75	12	40	40	60	65	25	0	3	0	1	16	7
Táo	148	49	40	40	60	65	25	0	6	0	1	21	23
Cộng	2532	702	40%	40%	60%	65%	25%	1	112	0	25	272	440